TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2023/QĐST- DS	*Thái Nguyên, ngày 21 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 131/2022/TLST-DS ngày 02/11/2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Anh Vũ Văn D, sinh năm 1987

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1940

Đều trú tại: Tổ dân phố Đ, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo ủy quyền của bà C: Chị Cao Thị T, sinh năm 1974

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1962 (con trai bà C)

2. Chị Cao Thị T, sinh năm 1974 (con dâu bà C)

3. Chị Bùi Khánh L, sinh năm 1991 (vợ anh D)

Đều trú tại: Tổ dân phố Đ, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hai bên nhất trí thỏa thuận: bà Nguyễn Thị C và vợ chồng chị Cao Thị T, anh Nguyễn Văn Th đồng ý trả lại cho anh Vũ Văn D diện tích đất là 0,7m^2 thuộc thửa số 717, tờ bản đồ 16 tại tổ dân phố Đông, phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo GCNQSD đất số CX687261 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/9/2020 mang tên Vũ Văn D. Vị trí phần đất theo các điểm 10, 11, 12, e, 10

Phía bắc giáp thửa 209, tờ bản đồ 16 của bà C

Phía Nam giáp thửa 717 tờ bản đồ 16 của anh D

Phía đông giáp thửa 845, tờ bản đồ 16

Phía tây giáp thửa 794, tờ bản đồ 16

(Kèm theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu)

- Anh D có quyền sở hữu bức tường có khối lượng 0,54m^3 (dài 3,81m, cao 1,3m, rộng 0, 11m) xây dựng trên diện tích đất 0,7m^2 nêu trên.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Tổng chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản là 8.100.000 đồng, anh D đã tạm ứng phần chi phí này. Các đương sự nhất trí, mỗi bên chịu một nửa, bà C, chị T và anh Th đồng ý trả cho anh D 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền chi phí tố tụng khác.

Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bà C do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Hoàn lại cho anh D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000276 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân